

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn H1 Luân

Bà Lý Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2022 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Lệ T** – sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Trú tại: thôn Đ, xã Th, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Đặng Văn H** - sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn L, xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/3/2022 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn H được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 24/5/2010 tại UBND xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã M, huyện Thường

Tín, Thành phố Hà Nội là nhà của mẹ đẻ anh H. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ đầu năm 2018, chị T đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đều hòa giải nhưng chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là cháu Đặng Thị L Nhi sinh ngày 13/12/2010, Đặng Minh H1 sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có công việc và thu nhập ổn định và có chỗ ở là nhà bố mẹ đẻ tại thôn An Duyên, xã Th, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh về chỗ ở và thu nhập cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Đặng Văn H có lời khai như sau:

Anh và chị Lê Thị Lệ T về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị T khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn L, xã M là nhà của mẹ đẻ anh. Vợ chồng anh chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm, cách sống không hòa hợp dẫn đến vợ chồng hay to tiếng, cãi vã. Mỗi lần mâu thuẫn chị T lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ. Năm 2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh và gia đình có khuyên giải nhưng chị T không quay về đoàn tụ. Chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là cháu Đặng Thị L Nhi sinh ngày 13/12/2010, Đặng Minh H1 sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Minh H1, chị T nuôi dưỡng cháu Đặng Thị L Nhi, không ai pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H có công việc là lái xe tự do, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh H không có các tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập, chỗ ở để giao nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không tranh chấp về tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

+Chị T, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Lệ T được ly hôn anh Đặng Văn H. Về con chung: Giao hai con chung là Đặng Thị L Nhi sinh ngày 13/10/2010 và Đặng Minh H1 sinh ngày 19/5/2013 cho chị Lê Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lệ T và anh Đặng Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/5/2010 tại UBND xã M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh mẹ đẻ anh H và chính quyền địa phương thì chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh H xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do không hòa hợp, cuộc sống không hạnh phúc và anh H đồng ý ly hôn với chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh H không đến làm việc, vắng mặt nhiều lần không có lý do nên Tòa án không hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Lệ T được ly hôn anh Đặng Văn H.

[4] Về con chung: chị T và anh H có hai con chung là cháu Đặng Thị L Nhi sinh ngày 13/12/2010 và Đặng Minh H1 sinh ngày 19/5/2013. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Minh H1. Xét yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh H đều chính đáng. Tuy nhiên, cháu L và cháu H1 có nguyện vọng muốn sống cùng chị T. Mặt khác từ năm 2018 đến nay, các con đều do chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và các cháu đang học tập tại xã Th, huyện Thường Tín. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo môi trường sinh sống, học tập ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Đặng Thị L Nhi và Đặng Minh H1 cho chị Lê Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Lệ T. Chị Lê Thị Lệ T được ly hôn anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: chị T và anh H có hai con chung là Đặng Thị L Nhi sinh ngày 13/12/2010 và Đặng Minh H1 sinh ngày 19/5/2013. Giao hai con chung là cháu Đặng Thị L Nhi và Đặng Minh H1 cho chị Lê Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2020/0022793 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Lệ T và anh Đặng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã M, huyện Thường Tín
- Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền

